

Bàn về văn hóa cộng đồng

Phạm Hồng Tung*

Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 01 năm 2010

Tóm tắt. Bài nghiên cứu này nhằm góp phần thảo luận về thuật ngữ “văn hóa cộng đồng”. Đây là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong nghiên cứu về các loại cộng đồng khác nhau tồn tại trong lịch sử cũng như trong các xã hội hiện đại. Trước hết tác giả điếm lại những cách định nghĩa khái niệm nói trên được sử dụng trong những nghiên cứu về cộng đồng của giới học giả Việt Nam và nước ngoài. Sau đó tác giả đề xuất cách định nghĩa khái niệm “văn hóa cộng đồng” của riêng mình. Dựa trên quan điểm, rằng văn hóa cộng đồng chính là văn hóa ứng xử của cộng đồng, tác giả đã cố gắng làm rõ một số thành tố quan trọng nhất của văn hóa cộng đồng, như qui tắc ứng xử, tiêu chí ứng xử, mô thức ứng xử vv...

1. Bản chất và khái niệm và cách tiếp cận

Có nhiều loại và nhiều dạng thức cộng đồng người đã và đang tồn tại trong xã hội loài người. Những loại và dạng thức cộng đồng đó không chỉ khác nhau về bản sắc, hình thức tổ chức, nguyên tắc vận hành mà còn đóng những vai trò khác nhau trong đời sống con người. Hơn nữa, những loại hình và dạng thức khác nhau, vô cùng phong phú đó của cộng đồng lại không chỉ tồn tại bên cạnh nhau mà còn lồng ghép, đan xen, tích hợp vào trong nhau, với những mối tương tác đa chiều và phức tạp. Nhưng cho dù khác nhau đến đâu thì những loại hình và dạng thức cộng đồng đó đều có một điểm chung: sức cố kết và bản sắc của cộng đồng – hay nói cách khác, là sức sống của các cộng đồng đó, đều dựa trên cường độ của ý thức cộng đồng (*sense of community*).

Tiếp cận cộng đồng chủ yếu từ góc độ tâm lý học, D.W. McMillan và D. M. Chavis cho rằng ý thức cộng đồng dựa trên cơ sở của bốn yếu tố: 1) tư cách thành viên (*membership*); 2) ảnh hưởng (*influence*); 3) sự hội nhập và sự đáp ứng các yêu cầu (*integration and fulfillment of needs*) và 4) sự gắn bó, chia sẻ tình cảm (*shared emotional connection*) [1, tr.5]. Trên cơ sở đó, Chavis đã đề xuất một bộ tiêu chí (SCI-2) để đo lường, đánh giá sức mạnh của ý thức cộng đồng. Đây là một cách tiếp cận và bộ công cụ có giá trị tham khảo cao đối với nghiên cứu về cộng đồng và văn hóa cộng đồng [2].

Tuy nhiên, cách tiếp cận của nhóm tác giả này chủ yếu từ góc độ tâm lý học, vì vậy có thể gặp phải những bất cập trong việc đánh giá vai trò của các yếu tố tổ chức của cộng đồng trong tương quan với việc hình thành và phát triển văn hóa cộng đồng, cũng cố khối cố kết nội bộ của cộng đồng. Trong bối cảnh đó, cách tiếp cận văn hóa chính trị của học giả người Mỹ Aaron Wildavsky có giá trị bổ trợ hữu ích.

* Tel.: 84-913004068
E-mail: tungph@vnu.edu.vn

Tiếp cận từ lý thuyết “lựa chọn văn hóa” trong nghiên cứu về văn hóa chính trị, Aaron Wildavsky đề xuất một mô hình mang tính

công cụ để phân loại và phân tích độ cố kết và đặc điểm văn hóa cơ bản của các loại hình cộng đồng và tổ chức chính trị - xã hội như sau:

Biểu đồ 1. Mô hình của bốn loại văn hóa [3, tr.6]

Number and Variety of Prescriptions
(Số lượng và tính đa dạng của các chế định bắt buộc)

Numerous and varied
(Nhiều và đa dạng)

Few and Similar
(ít và giống nhau)

Strength of Group Boundaries
(Tình kiên cố của các đường ranh giới nhóm)

WEAK (Yếu)

STRONG (Mạnh)

1 Apathy (Vô cảm) Fatalism (Định mệnh chủ nghĩa)	2 Hierarchy (Ngôi thứ) Collectivism (Tập thể chủ nghĩa)
3 Competition (Cạnh tranh) Individualism (Cá nhân chủ nghĩa)	4 Equality (Bình đẳng) Egalitarianism (Bình quyền chủ nghĩa)

Chúng tôi cho rằng đây là một trong những cách tiếp cận có giá trị tham khảo cao trong nghiên cứu thực tiễn về các cộng đồng, đặc biệt là trong việc phân tích mối quan hệ giữa các quy tắc, chế định nội bộ của cộng đồng với độ cố kết và văn hóa ứng xử nội bộ của cộng đồng.

Tuy nhiên, cách tiếp cận của A. Wildavsky cũng có những hạn chế không nhỏ khi vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu cộng đồng và văn hóa cộng đồng. Thứ nhất, A. Wildavsky tỏ ra đơn giản hóa quá mức vấn đề khi cho rằng văn hóa của nhóm hay cộng đồng chỉ phụ thuộc vào hai loại biến số là số lượng các chế định (nội bộ) bắt buộc (nhiều hay ít) và độ kiên cố của đường ranh giới của nhóm hay cộng đồng. Thực tiễn cho thấy những điều trên đây có thể nghiệm đúng với những loại cộng đồng tổ chức, nhưng có thể không nghiệm đúng với những loại cộng đồng huyết thống và cộng đồng bản sắc, cộng đồng văn hóa. Thứ hai, do quan niệm rằng sự lựa chọn chính trị hay văn hóa của mỗi con người hay mỗi cá nhân chủ yếu được thúc đẩy từ những yếu tố bên trong nên Wildavsky chú ý chỉ quan tâm đến đặc trưng văn hóa hướng nội của nhóm và cộng đồng, trong khi dường

như hoàn toàn bỏ ngỏ mối tương tác giữa các cộng đồng và vai trò của những tác nhân ngoại sinh. Đây là điều cần đặc biệt chú ý, vì trong thực tiễn, bản sắc và văn hóa của cộng đồng thường chỉ được bộc lộ và nhận diện rõ ràng trong các tương tác với các yếu tố bên ngoài.

Trên cơ sở phối hợp vận dụng các cách tiếp cận của D.W. McMillan, D. M. Chavis và Wildavsky theo hướng tiếp cận đa chiều và liên ngành, chúng tôi cho rằng bộ đỡ hay cơ sở của ý thức cộng đồng chính là sự đồng thuận của toàn thể cộng đồng về những phương diện sau đây:

- Đồng thuận trong nhận thức về sứ mạng, mục tiêu (tôn chỉ, mục đích) và chiến lược phát triển của cộng đồng;

- Đồng thuận về lợi ích, trong đó phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, giữa lợi ích tập thể nhỏ / bộ phận với lợi ích toàn thể / cộng đồng lớn;

- Đồng thuận trong việc kiên quyết thực hiện các chủ trương chính sách, nguyên tắc, giải pháp... để hiện thực hóa sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch nhiệm vụ;

- Đồng thuận trong cơ chế phân phối, chia sẻ, huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực;

- Đồng thuận trong nỗ lực đương đầu với các thách thức, giải quyết các khó khăn;

- Đồng thuận trong việc gìn giữ hình ảnh, uy tín và các nguyên tắc của cộng đồng.

- Đồng thuận để xây dựng và gìn giữ tình cảm gắn kết cộng đồng, cùng tạo nên định hướng giá trị chung của văn hóa cộng đồng.

Trên đây là những yếu tố cơ sở hay chính là bệ đỡ của của ý thức cộng đồng. Tuy ý thức cộng đồng là cái cốt lõi tạo nên sự cố kết, bền vững hay sức mạnh của cộng đồng, nhưng ý thức cộng đồng lại là cái vô hình, phi vật thể (*intangible*) nên không dễ nhận biết, mặc dù các thành viên của cộng đồng có thể cảm nhận được nó và cùng chia sẻ nó. Vậy, hình thức tồn tại, biểu hiện ra và cách thức mà ý thức cộng đồng ảnh hưởng, điều tiết suy nghĩ, tình cảm và hành động của các thành viên và toàn thể cộng đồng là gì? Đó chính là *văn hóa cộng đồng* - nếu chúng ta quan niệm văn hóa chính là cái cầu nối giữa ý thức và hoạt động sống của con người.

Cho đến nay đã có hàng nghìn định nghĩa về "văn hóa" được giới nghiên cứu đề xuất. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi sẽ không đi sâu vào cuộc thảo luận về cách định nghĩa về phạm trù văn hóa - một vấn đề đã và sẽ còn tiếp tục được tranh luận trên nhiều diễn đàn. Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra hai cách định nghĩa tiêu biểu về văn hóa được coi như cơ sở để tham khảo trong quá trình xây dựng khái niệm "văn hóa cộng đồng" của nghiên cứu này.

Thứ nhất là định nghĩa về văn hóa của UNESCO được nêu ra vào năm 2002 trong Tuyên bố về tính đa dạng văn hóa: "*Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả các phong cách sống, các lối chung sống, các hệ thống giá trị, các truyền thống và đức tin.*"[4]

Định nghĩa trên đây gồm có hai phần chính:

- Phần thứ nhất chỉ ra bản chất và những thành tố chính cấu thành nên văn hóa. Theo đó văn hóa "*một tập hợp của những đặc trưng về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội*". Điều đặc biệt quan trọng cần lưu ý ở đây là: theo quan điểm của UNESCO thì văn hóa phải là văn hóa của "*một xã hội hay một nhóm người trong xã hội*" chứ không phải là của mỗi cá nhân con người. Đương nhiên, những đặc trưng văn hóa của mỗi nhóm, mỗi tập thể hay cộng đồng, thậm chí của toàn xã hội sẽ luôn tồn tại và được biểu hiện ra trong nhân cách và hành vi sống của mỗi cá nhân, nhưng nhân cách và hành vi sống của mỗi cá nhân nào đó không thể biểu hiện đầy đủ các đặc trưng cũng như bản sắc văn hóa của toàn thể cộng đồng. Đây là một chìa khóa quan trọng để khám phá văn hóa cộng đồng và mối tương quan của nó với nhân cách và ứng xử của mỗi cá nhân trong cộng đồng đó.

- Phần thứ hai của định nghĩa này được trình bày theo lối liệt kê những hình thức biểu hiện chính của văn hóa: "...nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả các phong cách sống, các lối chung sống, các hệ thống giá trị, các truyền thống và đức tin." Như vậy, trong nghiên cứu về văn hóa cộng đồng, cần phải chú trọng nghiên cứu tất cả những hình thức biểu hiện nói trên, nhất là các hệ thống giá trị, các phong cách sống và các lối chung sống, tức là các dạng thức của văn hóa ứng xử của cộng đồng.

Định nghĩa về văn hóa nói trên của UNESCO được chấp nhận khá rộng rãi trong nghiên cứu về văn hóa ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài. Song, thực tiễn cho thấy đây là định nghĩa có tầm khái quát rất cao, và vì vậy, thiếu tính thao tác luận (*operational*) trong nghiên cứu thực tiễn, nhất là nó không thể trở thành một công cụ phân tích hữu ích để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa hệ thống giá trị (yếu tố tiềm ẩn) và những phương thức ứng xử cộng đồng (yếu tố được bộc lộ).

Đề rộng đường tham khảo, chúng tôi xin nêu ra đây quan điểm về văn hóa của Hồ Chí Minh. Theo Người, “Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi sinh tồn”. [5, tr.431]

Cách quan niệm về văn hóa của Hồ Chí Minh rõ ràng giàu tính thực tiễn hơn khi nhấn mạnh đến khía cạnh ứng xử và khía cạnh lịch sử cũng như tính mục đích của văn hóa. Về phương diện học thuật, cách định nghĩa văn hóa như vậy sẽ là không đầy đủ, không chỉ ra được những yếu tố nền tảng, cốt lõi của văn hóa. Nhưng về phương diện thực tiễn thì định nghĩa này lại mở đường cho việc nhận diện văn hóa cộng đồng. Chính vì vậy, chúng tôi coi cách quan niệm về văn hóa của Hồ Chí Minh như một chỗ dựa cơ bản về cách tiếp cận trong nghiên cứu về văn hóa cộng đồng.

Trên cơ sở của tất cả những lập luận nói trên, chúng tôi cho rằng *văn hóa cộng đồng là văn hóa ứng xử của cộng đồng, tức là phương thức và nguyên tắc ứng xử của một cộng đồng trong những môi trường, không gian và thời gian lịch sử xác định.*

Khi quan niệm rằng văn hóa cộng đồng là văn hóa ứng xử (*behavioral culture*) chúng tôi không hề có ý định giản đơn hóa văn hóa cộng đồng tới mức chỉ chú trọng những yếu tố, phương diện bề ngoài mà coi nhẹ hoặc bỏ qua những yếu tố bên trong như hệ giá trị hay ý thức cộng đồng vv... Trái lại, chúng tôi cho rằng những yếu tố đó, cho dù là tiềm ẩn, nhưng đóng vai trò cốt lõi và luôn được thể hiện hoặc hiện thực hóa thông qua các quy tắc, tiêu chí / chuẩn mực và phương thức ứng xử của cộng đồng.

Trong tiếng Việt, động từ “ứng xử” (tiếng Anh: *behave*, tiếng Đức: *verhalten*) được hiểu là “*cá thái độ, hành động, lời nói thích hợp trong việc xử sự*”. [6, tr.1091] Trong các từ điển

bách khoa thư hay từ điển ngôn ngữ tương giải nước ngoài, thuật ngữ này cũng được hiểu theo cách gần giống như vậy. Chẳng hạn, trong từ điển bách khoa mở Wikipedia, thuật ngữ ở dạng danh từ “*behavior*” được chú giải như sau: “*Ứng xử là thuật ngữ dùng để chỉ những hành động hay phản ứng của một đối tượng hay một tổ chức, thường đặt trong mối quan hệ với môi trường. Ứng xử có thể có ý thức (conscious) hay vô thức (subconscious), công khai (overt) hoặc ngầm ngầm (covert), tự nguyện (voluntary) hoặc không tự nguyện (involuntary)*” [7].

Theo đó, khi nghiên cứu về văn hóa ứng xử của cộng đồng, cần đặc biệt lưu ý đến những mô thức ứng xử (*behavior pattern*) và tiêu chí / chuẩn mực (*behavior norm*) và quy tắc ứng xử (*behavior regulation* hay *principle of behavior*) quy định hay điều tiết phương thức ứng xử của cộng đồng đặt trong những môi trường, bối cảnh, quan hệ hay tình huống xác định nào đó.

Trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng với ý nghĩa là văn hóa ứng xử, chúng tôi cho rằng có hai loại hình ứng xử cần phải phân biệt và được đặc biệt quan tâm, đó là *ứng xử nội bộ cộng đồng (ứng xử hướng nội)* và *ứng xử của cộng đồng đối với môi trường xung quanh (ứng xử hướng ngoại)*.

Đương nhiên, sự phân biệt hai loại hình ứng xử cộng đồng nói trên chỉ có tính tương đối, bởi lẽ hai loại ứng xử này thường có liên hệ mật thiết với nhau, là bộ đỡ của nhau, thậm chí loại ứng xử này là sự tiếp nối liên tục của loại ứng xử kia. Trong các trường hợp cộng đồng có tính tích hợp hoặc phức hợp cao thì vấn đề càng trở nên phức tạp hơn. Khi đó, văn hóa ứng xử của cộng đồng nhỏ là một bộ phận, một hình thức ứng xử của cộng đồng lớn. Trong khi đó, cộng đồng lớn lại là môi trường tồn tại của cộng đồng nhỏ, cho nên cách thức cộng đồng nhỏ ứng xử đối với cộng đồng lớn hoặc các cộng đồng anh em khác là ứng xử hướng ngoại, đồng

thời lại cũng là ứng xử hướng nội nếu nhìn từ góc độ của cộng đồng lớn. Hai loại ứng xử này trong các cộng đồng tích hợp và cộng đồng phức hợp luôn tương tác, đan xen với nhau theo cả hai chiều thuận và nghịch.

Chiều thuận của các ứng xử hướng nội của một cộng đồng giản đơn được hiểu là trong cộng đồng đó các thành viên của cộng đồng không có xung đột lợi ích với cộng đồng, có ý thức cộng đồng mạnh và chấp nhận, thực hành nghiêm chỉnh các quy tắc, tiêu chí ứng xử của cộng đồng. Chiều thuận của các ứng xử hướng nội của một cộng đồng phức hợp và tích hợp được hiểu là trong cộng đồng đó các cộng đồng nhỏ đồng thuận về lợi ích với cộng đồng lớn, ý thức cộng đồng nhỏ đồng thuận với ý thức cộng đồng lớn, đồng thời các cộng đồng nhỏ, tuy đa dạng và khác nhau về nhiều phương diện, nhưng đều chấp nhận và thực hiện nghiêm túc các quy tắc và tiêu chí ứng xử của cộng đồng lớn.

Chiều nghịch của các ứng xử hướng nội trong một cộng đồng giản đơn, trái lại, được hiểu là trong cộng đồng đó một hay một số thành viên có những xung đột hay khác biệt về lợi ích hay về một vấn đề nào khác, do vậy ý thức cộng đồng của họ ít nhiều bị lung lay, kết quả là họ không hoàn toàn chấp nhận một hay nhiều quy tắc ứng xử của cộng đồng và có thể có những hành vi ứng xử trái với các quy tắc và tiêu chí ứng xử của cộng đồng. Trong những cộng đồng phức hợp hay tích hợp thì chiều nghịch trong văn hóa ứng xử cũng phức tạp hơn nhiều lần. Tính bất đồng thuận trong văn hóa ứng xử ở những cộng đồng loại này có thể là sự bất đồng thuận giữa các “cộng đồng con” với “cộng đồng mẹ”, nhưng cũng có thể lại là sự bất đồng thuận giữa các “cộng đồng con” với nhau, hay thậm chí là sự xung đột giữa một “cộng đồng con nào” đó với một cộng đồng khác nằm ngoài “cộng đồng mẹ”. Cho dù các sự bất đồng thuận hay xung đột này có đặc điểm và bản chất hay hình thức biểu hiện khác nhau

thế nào chăng nữa thì sự tồn tại của chúng không những không làm tăng cường mà còn gây tổn hại đến sức cố kết nội bộ và ý thức cộng đồng của cộng đồng lớn. Vì vậy chúng thuộc về chiều nghịch của văn hóa ứng xử cộng đồng.

Trong các ứng xử hướng ngoại, hai chiều thuận và nghịch lại có thể diễn ra trong các trường hợp khác nhau. Loại ứng xử thuận chiều thứ nhất là sự tương thích và tiếp nối liên tục giữa các ứng xử hướng nội và hướng ngoại. Ví dụ, một cộng đồng có văn hóa ứng xử nội bộ dân chủ hoạt động trong một môi trường xã hội dân chủ. Ngược lại, trường hợp thứ hai là các ứng xử hướng nội và các ứng xử hướng ngoại không tương thích, thậm chí xung đột nhau. Ví dụ: một cộng đồng có văn hóa ứng xử nội bộ mất dân chủ, gia trường tồn tại và hoạt động trong môi trường xã hội dân chủ.

Các ứng xử hướng ngoại của một cộng đồng còn bị chi phối bởi các tác động của môi trường mà cộng đồng đó tồn tại và hoạt động. Trong trường hợp các tác động của môi trường đồng thuận với ứng xử hướng ngoại của cộng đồng thì khi đó ứng xử của cộng đồng là thuận chiều, kiểu “góp gió thành bão”. Ví dụ: một làng A ra sức hy sinh, đóng góp vào nỗ lực chung của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc, hay học sinh một lớp B ra sức thi đua học tốt để hưởng ứng phong trào thi đua “dạy thật tốt, học thật tốt” của toàn trường.

Nhưng trong trường hợp một số tác động của môi trường không đồng thuận, thậm chí xung đột gay gắt với ứng xử hướng ngoại của cộng đồng thì khi đó ứng xử hướng ngoại của cộng đồng là nghịch chiều. Trong một số trường hợp cụ thể thì đây là lúc sự cố kết và sức sống của cộng đồng bị đặt trong thử thách khốc liệt. Ví dụ điển hình là trường hợp các tổ chức yêu nước và cách mạng phải hoạt động bí mật trong điều kiện đang bị địch khủng bố gắt gao.

2. Nguyên tắc ứng xử cộng đồng

Như đã phân tích ở trên, một trong những yếu tố cốt lõi, có vai trò định hướng, điều chỉnh mạnh mẽ đối với văn hóa ứng xử cộng đồng là các nguyên tắc ứng xử cộng đồng.

Xét về phương diện nguồn gốc, có hai loại nguyên tắc ứng xử cộng đồng cơ bản: đó là loại nguyên tắc hay quy ước do cộng đồng tự xây dựng nên (ví dụ: hương ước của một làng, tộc ước của một họ tộc, nội quy của một lớp học, điều lệ của một chính đảng vv...) và loại nguyên tắc do bên ngoài áp đặt cho cộng đồng (ví dụ: pháp luật của nhà nước). Cả hai loại nguyên tắc này đều có vai trò quy định, điều chỉnh ứng xử của cộng đồng, nhưng cộng đồng chỉ có quyền thay đổi loại nguyên tắc thứ nhất, còn nó không có quyền đó đối với loại nguyên tắc thứ hai. Tuy vậy, cộng đồng lại có quyền lựa chọn chấp nhận hay không chấp nhận, thậm chí là chống lại những nguyên tắc mà nó bị áp đặt từ bên ngoài.

Xét về phương diện hình thức cũng có thể phân chia nguyên tắc ứng xử cộng đồng thành hai loại: nguyên tắc thành văn (*verbal regulation*) và nguyên tắc bất thành văn (*non-verbal regulation*). Những nguyên tắc thành văn bao gồm tất cả những nguyên tắc, quy ước cho tới luật pháp hướng tới sự chế định ứng xử của cộng đồng được soạn và công bố dưới hình thức văn bản. Trong khi đó, những nguyên tắc bất thành văn chỉ là những quy ước ngầm, những tập tục, thói quen vv... tuy không được chính thức ban bố dưới dạng thức văn bản nhưng đều được các thành viên trong cộng đồng mặc nhiên thừa nhận và tuân thủ.

Xét về cấu trúc nội dung, có loại nguyên tắc ứng xử giản đơn và có loại nguyên tắc ứng xử phức tạp. Loại nguyên tắc ứng xử giản đơn trước hết biểu hiện ra với số lượng những chế định thấp, không rườm rà, chi tiết, cấu trúc các chế định cũng giản đơn. Loại nguyên tắc ứng xử phức tạp thường có số lượng các nguyên tắc cao, cấu trúc nội dung phức tạp, rườm rà, chi tiết.

Xét về phạm vi điều chỉnh, có loại nguyên tắc ứng xử cộng đồng chỉ điều chỉnh một hay một số loại ứng xử nào đó – tạm gọi là *loại quy tắc hạn chế*, trong khi lại có loại quy tắc có phạm vi điều chỉnh rộng lớn, chi phối hầu như toàn bộ đời sống cộng đồng, thậm chí can thiệp sâu vào đời sống riêng tư, hành vi; lời nói của từng cá nhân thành viên trong hội đồng – có thể gọi là *loại nguyên tắc mở rộng*.

Trong nghiên cứu về nguyên tắc ứng xử cộng đồng, cần phải đặc biệt chú ý tới một thực tế là: Trong mỗi cộng đồng và đặc biệt, trong một quốc gia, dân tộc, có thể có rất nhiều loại nguyên tắc, quy ước có ảnh hưởng tới hoặc chi phối ứng xử của cộng đồng ở các mức độ khác nhau, chẳng hạn, giản đơn nhất là gia quy, gia pháp của một gia đình, quy chế về nếp sống văn hóa của một thôn vv... cho tới hệ thống luật pháp và các văn bản dưới luật vv... Tuy nhiên, không thể coi tất cả những nguyên tắc, quy ước hay pháp luật đó đều là nguyên tắc ứng xử cộng đồng, bởi có nhiều quy ước, nguyên tắc chỉ có ảnh hưởng gián tiếp tới ứng xử cộng đồng mà thôi. *Loại nguyên tắc mà chúng ta đang bàn ở đây chỉ là những nguyên tắc, quy ước trực tiếp nhằm tới mục đích chế định và điều tiết ứng xử của cộng đồng mà thôi.*

Có thể nêu ra đây một số ví dụ:

- *Hương ước* của các làng xã Việt Nam truyền thống là một ví dụ điển hình. Có nhiều loại hương ước (còn gọi là *hương khoán*, *hương biên*, *hương lệ*, *khoán ước*, *khoán lệ*, *cựu khoán*, *điều lệ*, *điều ước* vv...), khác nhau về cấu trúc và nội dung do các cộng đồng làng xã soạn thảo ra trong những thời gian và điều kiện lịch sử khác nhau.

Trong các nội dung của hương ước, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến những quy định về phép tắc ứng xử của cộng đồng và của dân làng. Trong nhiều bản hương ước, nội dung này được quy định hết sức chặt chẽ và chi tiết. Về bản chất, hương ước là luật tục của làng xã, nhưng

sẽ là sai lầm khi coi hương ước là chỉ những quy định nội bộ, mang tính luật tục (*custom law*) của làng xã. Trên thực tế, hương ước chính là sự tích hợp, hội nhập giữa “lệ làng” và “phép nước” (phép vua). Vì vậy, câu tục ngữ “*Phép vua thua lệ làng*” chỉ hoàn toàn có tính chất ước lệ mà thôi.

Nhằm phát huy những giá trị tích cực, khắc phục những hạn chế của hương ước, trong những năm gần đây, trong phong trào xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh ở nông thôn, nhiều làng đã soạn và công bố quy ước về nếp sống mới. Ở một số tỉnh miền núi như Kontum, Bắc Cạn, Thái Nguyên vv... hương ước mới đã được xây dựng nhằm phát huy sức mạnh cộng đồng trong việc bảo vệ rừng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương.

- *Tộc ước* cũng là một loại nguyên tắc ứng xử của cộng đồng huyết thống từng tồn tại khá lâu đời trong xã hội Việt Nam. Thông thường chỉ những dòng họ lớn, có danh tiếng (*danh gia vọng tộc*) mới có tộc ước thành văn được lưu truyền qua nhiều đời. Còn các dòng họ nhỏ, tuy không có tộc ước thành văn nhưng thường cũng có những quy ước nội bộ. Ngay trong từng gia đình thì thường cũng tồn tại những quy ước nào đó về phép ứng xử của gia đình, tạo nên “nếp nhà” mà cha ông ta vẫn hằng răn dạy: “*Giấy rách phải giữ lấy lề*”.

Trước đây, trong xã hội Việt Nam truyền thống, tộc ước vốn chịu nhiều ảnh hưởng của triết lý đạo đức Nho giáo (đặc biệt của cuốn sách “*Thọ Mai gia lễ*”⁽¹⁾). Thậm chí một số nhà Nho còn biên soạn ra những bài gia huấn để dạy dỗ con cháu sống và cư xử sao cho hợp “luân thường đạo lý”. Tiêu biểu nhất là bài “*Gia huấn*

ca” được cho là do Nguyễn Trãi biên soạn từ thế kỷ 15⁽²⁾.

Ngày nay, trong bối cảnh chung của công cuộc đổi mới đất nước, nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc được nghiên cứu, kế thừa và phát huy. Theo xu hướng đó, không ít dòng họ đã biên soạn lại tộc ước theo tinh thần mới, tiến bộ, góp phần tích cực vào việc củng cố cộng đồng họ tộc và phát triển đời sống văn hóa lành mạnh của đất nước.

Hương ước, tộc ước là những ví dụ tiêu biểu nhất của những nguyên tắc ứng xử cộng đồng xuất hiện sớm và tồn tại lâu dài trong lịch sử Việt Nam. Giống như nhiều di sản khác của quá khứ, hai loại quy ước ứng xử này phản ánh những yêu cầu mang tính lịch sử đối với phép ứng xử, đối nhân xử thế của xã hội Việt Nam trong những giai đoạn lịch sử nhất định, do vậy nội dung của nó hàm chứa cả những yếu tố tích cực và cả những yếu tố tiêu cực. Việc nghiên cứu hương ước, tộc ước để kế thừa theo tinh thần “*gạn đục, khơi trong*” hiện nay là rất cần thiết.

- Trong xã hội hiện nay, nhiều tổ chức, cộng đồng, doanh nghiệp, cơ quan cũng đã ban hành những văn bản quy định nguyên tắc hoạt động của mình dưới các hình thức như Điều lệ, Nội quy, Quy định về tổ chức và hoạt động vv... Tuy nhiên, phần lớn các tổ chức, cơ quan vv... đều mới chỉ ban hành quy chế vận hành tổ chức chứ chưa có quy tắc ứng xử cộng đồng nhằm xây dựng và phát huy sức mạnh của tổ chức với tính cách là một cộng đồng, tức là củng cố ý thức cộng đồng và sức mạnh cố kết, đoàn kết cộng đồng.

⁽¹⁾ Tác giả của “*Thọ mai gia lễ*” được cho là Hồ Sỹ Tân (1690-1760) hiệu Thọ Mai người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ năm 1721 (năm thứ 2 triều Bảo Thái), làm quan đến Hàn lâm Thị chế.

⁽²⁾ Mặc dù từ lâu vẫn tồn tại ý kiến cho rằng bài “*Gia huấn ca*” là do Nguyễn Trãi sáng tác, nhưng không có bất kỳ cứ liệu lịch sử nào có thể minh xác được điều này. Trái lại, cứ liệu thi pháp học thì cho thấy rõ ràng tác phẩm này xuất hiện không thể sớm hơn thế kỷ 17, khi thế thơ song thất lục bát bắt đầu xuất hiện. Xin tri ân PGS. Trần Ngọc Vương về chỉ dẫn này.

3. Tiêu chí / chuẩn mực và nghi lễ ứng xử cộng đồng

Bên cạnh cách nguyên tắc ứng xử, các tiêu chí / chuẩn mực (*norm*) và nghi lễ (*ceremony*) cũng đóng vai trò rất quan trọng trong văn hóa ứng xử cộng đồng.

3.1. Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử

Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử (*norm*) đóng vai trò hết sức quan trọng trong cuộc sống thường nhật ở bất kỳ môi trường xã hội nào. Có nhiều cách hiểu khác nhau về tiêu chí / chuẩn mực ứng xử. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề này từ hai góc độ: triết học và xã hội học.

Tiếp cận từ góc độ triết học, tiêu chí / chuẩn mực được hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là các giá trị hay những thông số mà dựa vào đó người ta nhận biết hay mô tả được một sự vật, một hệ thống hay một quá trình nào đó. Nghĩa thứ hai thường được hiểu là những câu, những mệnh đề ở dạng biểu thị mệnh lệnh, sự cấm đoán hay cho phép. Nghĩa này thường được sử dụng trong nghiên cứu về các tiêu chí / chuẩn mực ứng xử vì thực chất chúng được coi như những chỉ dẫn cho hành vi ứng xử. Ví dụ: “*ăn trông nôi, ngồi trông hướng*”, “*nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc*”, “*lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*”, “*Yêu cho roi, cho vọt; ghét cho ngọt, cho bùi*” vv... Đây là cách tiếp cận có thể vận dụng trong nghiên cứu và xây dựng, phát huy văn hóa ứng xử cộng đồng.

Tiếp cận từ góc độ xã hội học, tiêu chí / chuẩn mực được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn chung đều thống nhất với nhau ở một số điểm sau:

- Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử là những tín hiệu hay cách thức ứng xử được mong đợi (*behavioral expectations*) trong nội bộ một nhóm hay một cộng đồng.

- Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử là những quy tắc (*rules*) mà một nhóm hay một cộng đồng sử dụng để đánh giá các niềm tin, thái độ hay hành vi ứng xử là phù hợp hay không phù hợp.

- Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử là những quy tắc hành động, trang phục hay lời nói.

Tóm lại, tiêu chí / chuẩn mực ứng xử là những quy tắc xử sự của con người (*rules of behaviors*). Trong cuộc sống, những quy tắc này thường được mặc nhiên công nhận, duy trì qua những thứ “ngôn ngữ cơ thể” (*body language*) như nhún vai, gật đầu, vui, buồn, cười, khóc, bắt tay, xoa đầu vv..., nhiều khi thông qua giao tiếp không thành văn. Ví dụ: buồn thì khóc, vui thì cười, đồng ý thì gật đầu, không đồng ý thì lắc đầu vv... những ai hành xử đúng với những tiêu chí / chuẩn mực đó thì sẽ được coi là bình thường (*normal*), ngược lại thì sẽ bị coi là không bình thường (*anormal*), không thực hiện được thành công giao tiếp của mình, bị cô lập, bị coi là “lệch chuẩn” hoặc “dở hơi”, đôi khi họ có thể bị trừng phạt hoặc thậm chí bị trục xuất khỏi cộng đồng. Đương nhiên, những tiêu chí / chuẩn mực này có tính điều kiện của nó, tức là nó phụ thuộc vào môi trường văn hóa, những điều kiện về không gian và thời gian. Vì vậy, cũng có khi hành động được coi là “lệch chuẩn”, trái tiêu chí, nhưng lại là ứng xử đúng. Chẳng hạn có khi người ta vui mừng quá phát khóc, hoặc buồn, thất vọng nhưng lại cười chua chát. Ở Bulgaria thì gật đầu có nghĩa là không đồng ý, lắc đầu lại là đồng ý vv..., còn ở Việt Nam thì “*nói dậy mà hồng phải dậy*”, “*mắng yêu*”, “*tát yêu*” vv... Tiêu chí / chuẩn mực ứng xử của cộng đồng này có khi lại là điều cấm kỵ ở cộng đồng khác.

Trong dạng thức cực đoan, tiêu chí / chuẩn mực ứng xử có thể phát triển thành các nguyên tắc ứng xử cộng đồng, hoặc thành những điều cấm kỵ (*taboo*) của cộng đồng. Có những *taboo* chi được bí mật lưu hành trong một nhóm nhỏ (ví dụ: tên húy của thân), nhưng có những

taboo lại được biết đến khá rộng rãi, như không được hỏi tuổi và số cân nặng của phụ nữ mới quen v.v.

Theo lý thuyết trò chơi (*game theory*) thì tiêu chí / chuẩn mực ứng xử giữ vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện các tương tác xã hội. Theo đó, mỗi con người hay nhóm người đều đóng một “vai” (*role*) nào đó trong những tương tác xác định mà họ tham gia. Khi “nhập vai” nào đó, người ta phải ứng xử đúng với chuẩn mực được quy ước dành cho vai đó. Ví dụ, trong một hội nghị, người đóng vai trò chủ trì, người đóng vai trò diễn giả, những người khác đóng vai người nghe, người tranh luận v.v... Và như thế, người chủ trì không thể ứng xử như diễn giả hoặc ngồi vào một xô hội trường như một người nghe. Đồng thời, diễn giả thì phải trình bày tham luận, chứ không được chủ trì hay ngủ gật ... Vì vậy, để cho các tương tác xã hội được diễn ra bình thường, mọi người đều phải biết vị trí và “vai diễn” của mình, và quan trọng hơn là tuân thủ “luật chơi” và ứng xử đúng với vai diễn của mình.

3.2. Nghi lễ ứng xử

Từ thuở bình minh của lịch sử đến nay, sự tồn tại của nghi lễ (*ceremony*) đã rất phổ biến trong tất cả các xã hội và các cộng đồng người. Trong tiếng Anh, từ “*ceremony*” có nghĩa là “*nghi thức, nghi lễ, sự khách sáo, sự kiêu cách*”. Trong từ điển mở Wikipedia, thuật ngữ này được giải thích như sau: “*A ceremony is an activity, infused with ritual significance, performed on a special occasion.*” (Một nghi lễ là một hoạt động mang trong đó ý nghĩa nghi thức được cử hành trong một dịp đặc biệt).

Còn trong tiếng ta, “*nghi lễ*” là một từ Hán - Việt, được ghép giữa hai từ “*nghi*” có nghĩa là “*nghi thức*”, và “*lễ*”. “*Nghi thức*” được giải thích là: “*Toàn bộ nói chung những điều quy định, theo quy ước xã hội hoặc theo thói quen, cần phải làm đúng để đảm bảo tính nghiêm túc*

của sự giao tiếp hoặc của một buổi lễ”[6, tr.677]. Trong khi đó, “*lễ*” được giải thích là: “*Những nghi thức tiến hành nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự việc, sự kiện có ý nghĩa nào đó*”[6, tr.561].

Trên cơ sở đó, có thể định nghĩa “*nghi lễ ứng xử*” là “*những điều quy định theo quy ước xã hội hoặc theo thói quen cần phải làm đúng trong thực hành ứng xử của cá nhân hoặc của cộng đồng trong những dịp đặc biệt nào đó.*”

Như vậy, nghi lễ ứng xử là hình thức biểu hiện ra của nguyên tắc, quy ước, tiêu chí / chuẩn mực ứng xử thông qua hành vi ứng xử của cá nhân hoặc của toàn thể cộng đồng trong những dịp đặc biệt (kỉ niệm những ngày lễ, nhậm chức, từ chức, khai mạc hay bế mạc một hội nghị, đón tiếp khách, sinh nhật, cưới hỏi, tang ma, lễ tốt nghiệp, khởi công hay khánh thành, giỗ, tết, cầu cúng v.v...). Nghi lễ ứng xử, vì vậy, là sự biểu hiện của bản sắc, ý thức và sức mạnh của cộng đồng.

Trong các xã hội phương Tây, nghi lễ đóng vai trò hết sức quan trọng. Bên cạnh các nghi lễ tôn giáo, các nghi lễ văn hóa truyền thống như các lễ hội dân gian vốn đã và đang được bảo tồn rất tốt ở nhiều dân tộc, các nghi lễ, nghi thức chính trị, xã hội, văn hóa hiện đại cũng được quy định rất chặt chẽ và cử hành rất bài bản, công phu, nghiêm túc và long trọng. Những ví dụ điển hình là nghi lễ nhậm chức của nguyên thủ nhiều nước, nghi thức đón rước khách quốc tế, nghi thức tuyên thệ tại tòa án, nghi thức trong quân đội v.v...

Trong các xã hội Đông Á, do ảnh hưởng của Nho giáo mà lễ và nghi lễ càng đóng vai trò quan trọng hơn, không chỉ trong những dịp đặc biệt của nhà nước mà cả trong ứng xử cuộc sống hằng ngày của các cộng đồng và cá nhân. Trong học thuyết của Nho gia, “*lễ*” thuộc vào “*ngũ thường*”, tức là năm đức lớn của người quân tử (bao gồm: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*). Khổng tử cho rằng: “*Khép mình theo lễ ấy mới*

là người” (*Khắc kỷ phục lễ vi nhân*). [8, tr.294] Bởi lẽ, phép ứng xử theo lễ chính là phép ứng xử đúng đắn và cần thiết của người quân tử: “*học rộng văn chương và khép mình vào Lễ, như vậy sẽ không phạm điều trái đạo lý.*” [8, tr.301] Do vậy: “*Không phải lễ thì không nhìn, không phải lễ thì không nghe, không phải lễ thì không nói, không phải lễ thì không hành động.*” [8, tr.294]

Về bản chất của “lễ”, Khổng tử cho rằng gốc của lễ phải là ở “nhân”, ở lòng ngay thẳng và nhân ái của con người: “*Người không có nhân thì lễ mà làm gì!*” (*Nhân nhi bất nhân, như lễ hà!*) [8, tr.200] Tức là, nếu không có nhân thì lễ nghi chỉ là trò giả dối trong ứng xử, và đó là cách hành xử của kẻ bất nhân.

Những kinh nghiệm lịch sử của các dân tộc ở cả phương Đông và phương Tây đều cho thấy tầm quan trọng của nghi lễ ứng xử.

4. Mô thức ứng xử cộng đồng

Một thực tế ai cũng dễ dàng nhận ra là: đối diện với những vấn đề giống nhau và trong những điều kiện tương tự như nhau những cá nhân và những cộng đồng người khác nhau có thể có những lựa chọn khác nhau về phương thức ứng xử / ứng phó. Những phương thức ứng xử khác nhau đó của một cộng đồng được gọi là “mô thức ứng xử cộng đồng”. Trong từ điển bách khoa mở Wikipedia, khái niệm này được định nghĩa như sau: “*A Pattern of Behavior is a way one normally behaves.*” [9] (Một mô thức ứng xử là một phương thức mà một người thường ứng xử).

Có thể nêu ra đây một số ví dụ về mô thức ứng xử cộng đồng khác nhau của cá nhân và của tập thể mà chúng ta thường bắt gặp trong thực tiễn cuộc sống hằng ngày.

Cùng trong một môi trường hoạt động, ví dụ trong cùng một cơ quan, nhưng có những cá

nhân luôn tỏ ra bình tĩnh, khiêm tốn, lịch lãm trong xử lý các công việc và trong giao tiếp với mọi người, nhưng ngược lại, lại có những cá nhân luôn nóng nảy, ngạo mạn, thậm chí thô lỗ trong xử lý công việc và giao tiếp. Hoặc chúng ta có thể nhận ra cũng trong cùng một cơ quan, hay cùng một tổ chức, có những cá nhân thường ngay thẳng, trung thực, trọng danh dự trong mọi quan hệ, nhưng lại có những cá nhân gian xảo, bất chấp các thủ đoạn, nịnh trên, nạt dưới chỉ chăm chăm đạt cho được mục đích của mình. Trong đội ngũ lãnh đạo, chúng ta cũng bắt gặp những người gần dân, quang minh chính đại, liêm khiết và khiêm tốn, nhưng cũng có không ít kẻ hách dịch, luôn muốn chứng tỏ quyền uy, khinh rẻ cấp dưới, tham lam, lộng hành theo phong cách “đại gia”, “cha chủ” vv...

Tương tự như đối với cá nhân, *mô thức ứng xử của cộng đồng* cũng có hai nguồn gốc và hai bộ phận: *nguồn gốc tự nhiên* và *nguồn gốc xã hội*, cùng tương tác và sản sinh ra hai bộ phận hợp thành chủ yếu của mô thức ứng xử cộng đồng là *những yếu tố truyền thống* và *những yếu tố hiện đại*.

Nguồn gốc tự nhiên của mô thức ứng xử cộng đồng không chỉ là những tập tính do di truyền sinh học của cộng đồng ấy mang lại (điều này dường như chỉ nghiệm đúng với các cộng đồng huyết thống và cộng đồng tộc người), mà được hình thành chủ yếu do tác động của môi trường sống tự nhiên của cộng đồng đó. Ví dụ: tập quán, phong tục của các cộng đồng cư dân du mục sẽ khác với tập quán của các cộng đồng dân cư nông nghiệp trồng lúa nước; mô thức ứng xử cộng đồng của các cộng đồng dân cư miền núi khác với mô thức ứng xử của các cộng đồng dân cư miền xuôi, miền-biển vv...

Nguồn gốc xã hội của mô thức ứng xử cộng đồng chính là những tác động của các yếu tố thuộc về môi trường xã hội của cộng đồng, như tôn giáo, giáo dục, chế định chính trị, luật pháp,

văn hóa vv... Ví dụ: mô thức ứng xử của các cộng đồng dân cư công nghiệp, thành thị, khác với mô thức ứng xử của các cộng đồng dân cư nông thôn, nông nghiệp; mô thức ứng xử của các cộng đồng giáo phái A có thể rất khác với mô thức ứng xử của các cộng đồng không thuộc về giáo phái đó; mô thức ứng xử của cộng đồng trí thức hay văn nghệ sĩ khác với mô thức ứng xử của một đơn vị quân đội vv...

Tuy nhiên, trong không ít trường hợp, các yếu tố thuộc nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội tương tác, hòa quyện với nhau đến nỗi không thể phân biệt được trong một mô thức ứng xử cộng đồng nào đó.

Những yếu tố truyền thống trong một mô thức ứng xử cộng đồng thường được hiểu là những tập tục, tập quán, phong tục, truyền thống vv... truyền từ đời này qua đời khác, góp phần xác định phương thức ứng xử của một cộng đồng trong xã hội hiện đại. Trong đó có không ít những tập quán và những truyền thống tốt, như truyền thống tương thân tương ái “lá lành đùm lá rách”, truyền thống tôn vinh và tri ân người có công với cộng đồng (ghi tên vào bia đá, thờ làm Thành Hoàng), tôn trọng người cao tuổi, tôn vinh, trọng dụng nhân tài vv... nhưng cũng có không ít những hủ tục, thói quen xấu, như đố kỵ, căm nê, đại khái, tùy tiện, “sống lâu lên lão làng”, tục lệ xôi thịt trong khao vọng, lễ tết vv...

Những yếu tố hiện đại trong mô thức ứng xử của một cộng đồng chính là những phép ứng xử hình thành do tác động của môi trường tự nhiên và xã hội hiện đại đối với cộng đồng. Ví dụ: thói quen đúng giờ của xã hội công nghiệp, thói quen kỷ luật của một đơn vị quân đội, thói quen đeo khẩu trang khi ra đường của người Hà Nội hiện nay vv...

Trong nhiều trường hợp, các yếu tố truyền thống và hiện đại cũng đan xen nhau, hòa quyện vào nhau trong cùng một mô thức ứng xử cộng đồng dưới nhiều dạng thức vô cùng phong

phú, kể cả những sự “lệch chuẩn”, méo mó, nguy tạo trong cư xử hằng ngày. Ví dụ rõ nhất chính là sự phục hồi của lễ hội làng trong những năm gần đây và sự biến tướng của nhiều nghi thức, tập tục làng xã trong các lễ hội đó cùng với sự “cây ghép” đôi khi thô bạo của những yếu tố sinh hoạt văn hóa xã hội hiện đại; Mối quan hệ “tôn chủ - thần thuộc” và truyền thống tri ân, báo nghĩa của dân tộc đã trở thành bệ đỡ văn hóa cho tệ nạn tham nhũng thông qua quà cáp, biếu xén hiện đại; Những thói đồ kị, ganh ghét, cục bộ, truyền thống đoàn kết tộc họ và tự trị làng xã thậm chí đã len lỏi, làm tha hóa đến độ bị kịch các nguyên tắc và tổ chức cơ sở Đảng ở nhiều địa phương miền Bắc⁽³⁾ vv...

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy rõ ràng, rằng trong công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa cộng đồng, rất cần lưu ý đến việc xây dựng các mô thức ứng xử cộng đồng hiện đại, văn minh, lành mạnh để phát tốt sức mạnh, bản sắc của cộng đồng. Trong quá trình đó, cần đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát và tạo ra dư luận, sức ép cộng đồng theo các chiều thuận, từng bước khắc phục các thói quen, tập quán, các yếu tố, các chiều nghịch, phát huy ngày càng mạnh mẽ hơn các truyền thống tốt, các yếu tố hiện đại, văn minh, lành mạnh thông qua một loạt các giải pháp đồng bộ, kể cả các giải pháp cưỡng chế và tự nguyện; nêu gương và thi đua, khen thưởng và kỷ luật vv...

Tài liệu tham khảo

- [1] McMillan, D. M. Chavis. “Sense of Community: A Definition and Theory”, *American Journal of Community Psychology*, No.14 (1), 1986.

⁽³⁾ Điều này đã được tái hiện rất sinh động trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, như tiểu thuyết “Mảnh đất lắm người, nhiều ma” của Nguyễn Khắc Trường, hay phim “Truyện làng Nhỏ” (kịch bản: Phạm Ngọc Tiến) và “Ma làng” (Đạo diễn: Nguyễn Hữu Phần).

- [2] Chavis D. M, Lee K. S., & Acosta J. D.. The Sense of Community Index (SCI) Revised: "The Reliability and Validity of the SCI-2", Paper presented at the 2nd International Community Psychology Conference, Lisbon, Portugal, 2008.
- [3] Wildavsky, Aaron, "Choosing Preferences by Constructing Institutions: A Cultural Theory of Preference Formation", in: *American Political Science Review*, Vol. 81, No. 1 March 1987.
- [4] UNESCO, *Universal Declaration on Cultural Diversity*, 2002.
- [5] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [6] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng, 2003.
- [7] <http://en.wikipedia.org/wiki/Behavior>.
- [8] Khổng tử, *Luận ngữ*. thiên Nhan Uyên. Dẫn theo: Phạm Văn Khoái, *Khổng Phu tử và Luận ngữ*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] http://wiki.answers.com/Q/What_is_an_pattern_of_behavior.

On communal culture

Pham Hong Tung

Vietnam National University, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

This paper is aimed to discuss on the concept "communal culture", one of the most important operational concept in studying on various kinds of communities existing in the history as well as in contemporary societies. The author firstly review different ways applied in studies of Vietnamese and foreign scholars define "communal culture" and then propose his own definition. According to the author, communal culture is in fact the behavioral culture of community. Therefore in the paper he focus on clarifying of the content and role of some basic factors of the communal culture, such as behavioral principles, behavioral norms, behavioral modes etc...